

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia vào dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang (Lần 2)

Thực hiện Công văn số 429/UBND-KTTH ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang V/v xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp báo cáo kết quả tiếp thu, giải trình Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang, như sau.

1. Công tác triển khai thực hiện

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) tại văn bản số 9353/BTNMT-ĐĐ ngày 31/12/2024 V/v thực hiện cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy

trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang, gửi các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang để xin ý kiến tham gia của các tầng lớp nhân dân tại Văn bản số 339/SNNMT-QLĐĐ ngày 04/4/2025.

2. Kết quả tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia

Đến hết ngày 21/5/2025, Sở Nông nghiệp nguyên và Môi trường nhận được các ý kiến tham gia, như sau.

Tổng số có 19 ý kiến tham gia, *(trong đó có 06 huyện, thành phố và 13 sở ngành gửi văn bản tham gia ý kiến)*; về nội dung tham gia.

- Có 17/19 đơn vị đồng tình nhất trí với dự thảo;
- Có 02/19 đề nghị chỉnh sửa, bổ sung.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện xong dự thảo Quyết của UBND tỉnh

(có biểu tổng hợp tiếp thu ý kiến, bảng tổng hợp so sánh, thuyết minh dự thảo, dự thảo tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, dự thảo quyết định của UBND tỉnh đính kèm).

Sở Nông nghiệp và Môi trường trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Tr.tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang;
- UBND các huyện, thành phố;
- Giám đốc; các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLĐĐ. *Vnptioffice*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Lượng

TỔNG HỢP

Kết quả tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia vào dự thảo Quyết của UBND tỉnh Ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày 26/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
I	Đơn vị nhất trí với dự thảo			
1	Sở Tài chính	787/STC-HCSN ngày 15/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
2	Sở Y Tế	711/SYT-KHTC ngày 08/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
3	Sở Dân Tộc và Tôn giáo	106/SDT&TG-KHTC ngày 14/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
4	Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang	479/MTTQ-BTT ngày 15/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
5	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	944/BCH-TM ngày 11/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
6	Sở Công Thương	468/SCT-KHTCTH ngày 10/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
7	Sở Ngoại vụ	257/SNGV-VP ngày 08/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
8	Ban Quản lý khu kinh tế	175/BQLKKT-QHXD&TNMT ngày 14/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
9	Sở Khoa học và Công nghệ	503/SKHHCN-TTra ngày 09/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
10	Trung tâm Thông tin – Công báo	38/TTCB-CTTĐT ngày 07/5/2025	Thời gian đăng tải dự thảo trên Cổng Giao tiếp điện tử tỉnh từ 04/4/2025 đến hết ngày 03/5/2025, Trung tâm Thông tin – Công báo không nhận được ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo văn bản.	
11	Cục Thống kê Hà Giang	24/CCTK-TKKT ngày 14/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
12	Sở Nội vụ	642/SKHHCN-TTra ngày 21/5/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
13	UBND huyện Vị Xuyên	855/UBND-TNMT ngày 10/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
14	UBND thành phố Hà Giang	732/UBND-TNMT ngày 14/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
15	UBND huyện Quản Bạ	732/UBND-TH ngày 14/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
16	UBND huyện Đồng Văn	749/UBND-NN ngày 16/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
17	UBND huyện Bắc Mê	529/UBND-TNMT ngày 15/4/2025	Nhất trí với nội dung dự thảo	
II	Đơn vị có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung			
18	UBND huyện Xín Mần	522/UBND-TNMT	1) Tại điều 1, mục 9 (trang 3) nội dung “Điều	Tiếp thu đã chỉnh sửa

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
		ngày 14/4/2025	<p>tra, phân hạng đất nông nghiệp” Đề nghị đơn vị chủ trì xem xét chỉnh sửa cho phù hợp lý do: Qua rà soát các văn bản tại phần căn cứ của dự thảo Quyết định nội dung trên chưa được quy định cụ thể tại văn bản nào.</p> <p>(2) Tại phần biểu, bảng từ trang (17) đến trang 62 dự thảo Quyết định; Qua rà soát đơn vị chủ trì đang căn cứ trên cơ sở Thông tư 49/2016/TT-BTNMT; Tuy nhiên Thông Tư 49/2016/TT-BTNMT đã được bãi bỏ, quy định tại Điều 1 tại Thông tư số 20/2024/TTBTNMT, ngày 16/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.</p>	<p>lại tên cho đúng với Điều 52 Luật Đất đai và Nghị định 101/2024/NĐ-CP</p> <p>Trong quy định có kế thừa một số nội dung của Thông tư 49/2016/TT-BTNMT hiện này còn phù hợp với địa phương</p>
19	Sở Tư pháp	457/STP-XDKTVB ngày 11/4/2025	<p>I. Đối với dự thảo Tờ trình</p> <p>1. Về bố cục: Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại bố cục nội dung dự thảo Tờ trình theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 78/2025/NĐ-CP), cụ thể như sau:</p> <p><i>“I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH</i> <i>1. Cơ sở chính trị, pháp lý 2. Cơ sở thực tiễn II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT</i></p>	<p>Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa (đã rà soát chỉnh sửa dự thảo sắp xếp theo theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)</p>

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>ĐỊNH 1. Mục đích ban hành Quyết định 2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 2. Bộ cục của dự thảo Quyết định 3. Nội dung cơ bản V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HÀNH QUYẾT ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)”</p>	
	Sở Tư pháp		<p>2. Về nội dung tờ trình: a) Tại phần mở đầu của dự thảo đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ đoạn “<i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>”, vì Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 đã hết hiệu lực thi hành. b) Tại gạch đầu dòng 10 khoản 2 mục I đề nghị bỏ một cụm từ “<i>quy định</i>” tại đoạn “<i>quy định quy định về</i>” do thừa từ. c) Đối với các nội dung khác đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát chỉnh sửa cho phù hợp với ý kiến tham gia tại phân bố cục của dự thảo.</p>	<p>Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa (đã rà soát chỉnh sửa dự thảo)</p> <p>- Đã rà soát</p> <p>- Đã rà soát chỉnh sửa</p>

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>2. Về hình thức ban hành Quyết định: Hiện nay dự thảo Quyết định do Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu là văn bản hành chính (Quyết định cá biệt), tuy nhiên qua nghiên cứu nội dung Sở Tư pháp thấy rằng thẩm quyền giao tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và tại nội dung dự thảo có chứa quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Do đó, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa hình thức tham mưu ban hành quyết định theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Nhất trí tiếp thu (đã chỉnh sửa theo Mẫu số 20 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)</p>
	Sở Tư pháp		<p>3. Về nội dung:</p> <p>3.1. Đối với dự thảo Quyết định:</p> <p>a) Tại phần số, ký hiệu của Quyết định đề nghị bổ sung thêm năm ban hành cho đầy đủ và phù hợp với hình thức của văn bản quy phạm pháp luật cụ thể sửa lại thành “Số ... /2025/QĐ-UBND”.</p>	<p>Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa (đã rà soát chỉnh sửa dự thảo)</p>
			<p>b) Tại tên dự thảo đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “<i>dịch vụ công trong</i>” trước cụm từ “<i>lĩnh vực quản lý đất đai</i>” cho phù hợp với thẩm quyền giao tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và đầy đủ theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại</p>	<p>Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa (đã rà soát chỉnh sửa bổ sung trong dự thảo)</p>

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
			78/2025/NĐ-CP.	định số 78/2025/NĐ-CP)
	Sở Tư pháp		<p>d) Tại phần căn cứ pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ 11 đề nghị bỏ một cụm từ “<i>quy định</i>” tại đoạn “<i>quy định quy định về</i>” do thừa từ. - Chính sửa dấu chấm (.) thành dấu (;) khi kết thúc căn cứ “<i>Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.</i>”. - Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm thẩm quyền ban hành dưới cuối của phần căn cứ pháp lý như sau: “<i>Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang.</i>” cho đầy đủ theo mẫu số 20 mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. <p>đ) Đề nghị bỏ cụm từ “<i>QUYẾT ĐỊNH:</i>” cho phù hợp với mẫu số 20 mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. e)</p> <p>Tại tên Điều 1 dự thảo đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại cho phù hợp với ý kiến tham gia tại tên dự thảo Quyết định, cụ thể sửa lại như sau: “Điều 1. <i>Ban hành kèm theo Quyết định này quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy trình kiểm tra,</i></p>	Nhất trí tiếp thu (đã chỉnh sửa theo Mẫu số 20 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)
	Sở Tư pháp			

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p><i>nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang.</i></p> <p>g) Tại phần Nơi nhận đề nghị cơ quan soạn thảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính sửa “<i>Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp</i>” thành “<i>Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp</i>” cho đúng với tên Cục sau khi tổ chức lại. - Đề nghị rà soát, bổ sung các cơ quan cho đầy đủ (<i>ví dụ như bổ sung Công thông tin điện tử tỉnh,...</i>) 	
	Sở Tư pháp		<p>3.2. Đối với dự thảo Quy định:</p> <p>a) Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung Quốc hiệu, Tiêu ngữ và tên cơ quan ban hành cho đầy đủ và phù hợp với mẫu số 20 mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.</p> <p>b) Tại tên dự thảo Quy định đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa theo ý kiến tham gia tại tên dự thảo Quyết định, cụ thể sửa lại như sau: “QUY ĐỊNH <i>Cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang”</i></p> <p>c) Tại phần chỉ dẫn bên dưới tên dự thảo quy</p>	Nhất trí tiếp thu (đã chỉnh sửa theo Mẫu số 20 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>định đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm năm ban hành của văn bản theo ý kiến tham gia tại phần hình thức, cụ thể sửa lại thành “(Kèm theo Quyết định số: ... /2025/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)”.</p>	
	Sở Tư pháp		<p>d) Tên các Chương đề nghị chỉnh sửa các số thứ tự 1, 2, 3 thành các số thứ tự La Mã I, II, III cho phù hợp với gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 mục III Phụ lục I và mẫu số 20 mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.</p> <p>đ) Tại Điều 1 dự thảo đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa theo ý kiến tham gia tại tên dự thảo Quyết định và dự thảo Quy định, cụ thể sửa lại như sau: “Quy định này quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang bao gồm:”</p> <p>e) Điều 2 dự thảo đề nghị bổ sung từ “Điều” trước số 2 cho đầy đủ.</p> <p>g) Khoản 1 Điều 11 dự thảo đang quy định “Mức kiểm tra tối thiểu cấp đơn vị thi công đối với sản phẩm ngoại nghiệp là 20 phần trăm và nội nghiệp là 60 phần trăm; mức kiểm tra tối thiểu cấp chủ đầu tư đối với sản phẩm ngoại</p>	<p>-Nhất trí tiếp thu (đã chỉnh sửa theo Mẫu số 20 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)</p> <p>- Đã bổ sung</p> <p>- Đã bổ sung</p> <p>- Tiếp thu ý kiến đã chỉnh sửa</p>

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Sở Tư pháp		<p><i>nghiệp là 05 phần trăm và nội nghiệp là 15 phần trăm.</i>”. Tuy nhiên, Sở Tư pháp thấy rằng các mức tỷ lệ nêu trên hiện chưa được quy định hoặc hướng dẫn cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nào. Vì vậy, để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ lý do, cơ sở cho việc đề xuất các mức tỷ lệ phần trăm nêu trên tại Tờ trình để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>h) Hiện nay tại nội dung của dự thảo (<i>ví dụ như tại Điều 5, Điều 7, Điều 15, Điều 16,...</i>) dự thảo sử dụng thuật ngữ “<i>mức khó khăn</i>” của hạng mục công trình, là một tiêu chí ảnh hưởng đến đánh giá, nghiệm thu, tuy nhiên không có định nghĩa rõ ràng hoặc căn cứ pháp lý cụ thể để xác định mức này. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét làm rõ khái niệm và tiêu chí xác định “<i>mức khó khăn</i>” để thuận tiện trong quá trình áp dụng.</p> <p>i) Đối với nội dung Bảng 1 đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét rà soát để thống nhất các nội dung và mức kiểm tra chất lượng các hạng mục công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất</p>	<p>“<i>mức khó khăn</i>” được quy định trong định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành của mỗi sản phẩm dịch vụ công. Khi thẩm định sản phẩm nào thì áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật tương ứng cho phù hợp.</p> <p>Đối với Sổ địa chính và Sổ mục kê đất đai có 2 nội dung kiểm tra (1) kiểm tra hình</p>

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Sở Tư pháp		<p>đại trong dự thảo, ví dụ như: tại hạng mục kiểm tra hình thức, quy cách trình bày, ký hiệu loại đất, mã đối tượng sử dụng quản lý đất tại mục VI số mục kê đất đai đơn vị tính là “<i>Quyển</i>”. Tuy nhiên tại hạng mục kiểm tra hình thức, quy cách trình bày mục VII số địa chính đơn vị tính lại là “<i>thửa</i>”.</p> <p>k) Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung dự thảo chỉnh sửa lỗi kỹ thuật trình bày văn bản cho đúng ví dụ như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đánh số trang tại trang thứ nhất và số trang được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản theo khoản 7 mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. - Khoản 1 Điều 12 không viết hoa chữ cái đầu của chữ “<i>Khoản</i>” tại cụm từ “<i>Khoản 3 Điều này</i>”. 	<p>thức quy cách trình bày thì đơn vị tính là “<i>Quyển</i>” (2) Kiểm tra đối chiếu từng thửa đất..., thì đơn vị được tính là “<i>thửa</i>”</p> <p>- Đã rà soát đánh lại số trang</p> <p>Đã chỉnh sửa bổ sung</p>

TT	Đơn vị tham gia ý kiến	Số văn bản số	Nội dung tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Sở Tư pháp		<p>4. Về trình tự, thủ tục: Đề nghị Sở Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại mục 3 Chương IV Nghị định số 78/2025/NĐ CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (<i>lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trong đó phải lấy ý kiến của Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp; tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia; thực hiện thâm định...</i>).</p>	<p>Đã lấy ý kiến các Sở ngành</p>

BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO*(Kèm theo báo cáo số**/BC-SNNMT ngày 26/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
1	<p>- Đối với dự thảo: QUYẾT ĐỊNH Ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang.</p> <p>Nội dung thể thức văn bản theo Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>QUYẾT ĐỊNH Ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang.</p> <p>Nội dung thể thức văn bản theo Mẫu số 20 mục 1 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ 01/4/2025 thay thế Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>Do vậy chỉnh sửa cho phù hợp với quy định hiện hành</p>
2	<p>- Đối với dự thảo Quy định: Chưa có: Quốc hiệu, Tiêu ngữ và tên cơ quan ban hành</p>	<p>Bổ sung: Quốc hiệu, Tiêu ngữ và tên cơ quan ban hành cho đầy đủ và phù hợp với mẫu số 20 mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Bổ sung theo quy định Mẫu số 20 mục 1 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>Điều 1: Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Khoản 9 Điều 1: 9. Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp;</p>	<p>Đã chỉnh sửa: 9. Điều tra, đánh giá đất đai theo chuyên đề.</p> <p>- Các nội dung khác không thay đổi</p>	<p>Đề phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024</p>
	<p>2: Đối tượng áp dụng</p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p>	<p>Bổ sung tên Điều và đánh lại số thứ tự tiêu mục</p> <p>Điều 2: Đối tượng áp dụng</p> <p>1.</p> <p>2.</p> <p>3.</p>	<p>Bổ sung theo quy định Mẫu số 20 mục 1 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ</p>
	<p>Điều 3: Giải thích từ ngữ</p> <p>- 6 khoản</p>	<p>Điều 3: Giải thích từ ngữ</p> <p>- 8 khoản</p> <p>Giải thích lại và bổ sung thêm:</p> <p>+ <i>Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai</i></p> <p>+ <i>Đơn vị thi công là....</i></p>	<p>Giải thích lại và bổ sung thêm để giải thích rõ về việc Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai và giải thích rõ tổ chức trong nước, nhà thầu nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động theo quy định và được chủ đầu tư giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc ký hợp đồng sau khi trúng thầu thực hiện nhiệm vụ.</p>
	<p>Điều 4. Nguyên tắc giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm</p>	<p>Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực</p>	<p>Rút gọn và quy định rõ từng bước công việc,</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	- 4 khoản	quản lý đất đai - 3 khoản	để đảm bảo chất lượng sản phẩm khi đưa vào sử dụng
	Điều 5. Mục đích giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm	Bỏ 2 Điều này	Đã quy định trong các thông tư chuyên ngành
	Điều 6. Cơ sở pháp lý để giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm		
	Điều 7. Trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm - <i>khoản 1:</i> Trách nhiệm của chủ đầu tư. a) b) c) d)	Điều 5: Trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm - <i>khoản 1:</i> Trách nhiệm của chủ đầu tư. a) b) c) d) đ) e)	Việc bổ sung thêm 02 điểm để quy định rõ

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>- khoản 2: Trách nhiệm của đơn vị thi công, bao gồm 5 tiểu mục</p>	<p>Bổ sung thêm hai điểm đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chất lượng, khối lượng sản phẩm hoàn thành; tiến độ thực hiện đối với các nhiệm vụ dịch vụ công được giao; - Báo cáo kịp thời với cơ quan quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình. <p>- khoản 2: Trách nhiệm của đơn vị thi công, bao gồm 5 tiểu mục (sắp xếp lại một số tiểu mục và câu từ theo thứ tự công việc)</p>	<p>trách nhiệm của chủ đầu tư được giao thực hiện nhiệm vụ đó là phải Đảm bảo chất lượng, khối lượng sản phẩm hoàn thành; tiến độ thực hiện đối với các nhiệm vụ dịch vụ công được giao và phải Báo cáo kịp thời với cơ quan quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án....</p> <p>- sắp xếp lại một số tiểu mục và câu từ theo thứ tự công việc nhằm kết cấu lại cho phù hợp với thực tiễn, khoa học nâng cao trách nhiệm thực hiện của đơn vị thi công</p>
	<p>Điều 8. Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm</p> <p>- 2 khoản</p>	<p>Điều 6. Lập kế hoạch kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai</p> <p>- 2 khoản</p> <p>+ khoản 1: Bổ sung thêm nội dung ghi rõ vào biểu mẫu</p> <p>+ khoản 2: Bổ sung thêm nội dung quy định nơi gửi kế hoạch</p>	<p>Việc bổ sung thêm nội dung để đảm bảo việc tuân thủ đúng quy định và minh bạch trong thực hiện các thủ tục khi thực hiện</p>
	<p>Điều 9. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, thẩm</p>	<p>Điều 7. Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu</p>	

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>định và nghiệm thu công trình, sản phẩm</p> <p>- Quy định 3 khoản</p>	<p>chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai</p> <p>- 2 khoản</p>	<p>Gộp khoản 1, 2 vào một khoản: Mục đích để quy định rõ</p> <p>1. Kinh phí cho hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ công do đơn vị thi công</p> <p>2. Kinh phí cho hoạt động kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công do chủ đầu tư</p>
	<p>Chương 2</p> <p>GIÁM SÁT, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI</p>	<p>Chương II</p> <p>KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI</p>	<p>- số 2 đã sửa thành (II) theo quy định Mẫu số 20 mục 1 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ</p> <p>- Sắp xếp lại câu từ cho phù hợp với quyết định</p>
	<p>Chưa dự thảo</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung</p> <p>Điều 8. Yêu cầu đối với công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai</p> <p>1. Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ công phải được thực hiện từ tổng thể đến chi tiết ở cấp đơn</p>	<p>Việc bổ sung các nội dung tại Điều 8 nhằm quy định thứ tự và trình tự thực hiện để sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai được đảm bảo chất lượng trước khi đưa vào sử dụng và minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện tổ chức thi công và kiểm soát.</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		<p>vị thi công và cấp chủ đầu tư.</p> <p>2. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ công phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quyết định này. Quá trình kiểm tra phải tuân thủ theo quy trình sản xuất, sản phẩm của công đoạn trước đạt chất lượng mới được sử dụng cho công đoạn tiếp theo.</p> <p>3. Công tác giám sát trong quá trình triển khai các đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán dịch vụ công phải được thực hiện kể từ khi bắt đầu triển khai cho đến khi nghiệm thu, bàn giao sản phẩm để đưa vào khai thác sử dụng đảm bảo chất lượng, hiệu quả.</p> <p>4. Nội dung, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ công phải tuân thủ theo quy định tại Điều 10 của Quyết định này.</p>	
	<p>Điều 10. Giám sát công trình, sản phẩm 1. Nội dung giám sát</p>	<p>Điều 9. Công tác giám sát 1. Nội dung giám sát</p>	

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>a) b) c) d) đ)</p> <p>2. Không thay đổi 3. Chưa dự thảo</p>	<p>a) b) c) d) đ) e)</p> <p>- Bổ sung thêm nội dung: Kiểm tra phương tiện đo được sử dụng trong thi công. Phương tiện đo phải được kiểm định, hiệu chuẩn đầy đủ, đúng thời gian theo quy định, đáp ứng độ chính xác theo yêu cầu.</p> <p>2. Không thay đổi</p> <p>3. Bổ sung: Trong thời gian thi công, nếu có sự thay đổi về chế độ chính sách như: tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, đơn vị giám sát phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách đó có hiệu lực</p>	<p>Tại dự thảo lần 1 chỉ quy định việc giám sát đầy đủ phương tiện kỹ thuật để thi công, chưa quy định phương tiện kỹ thuật có được hiệu chỉnh đầy đủ đúng thời gian hay không.</p> <p>- Việc bổ sung dự thảo lần 2: Kiểm tra phương tiện kỹ thuật trong quá trình sử dụng nhằm hạn chế những sai sót do lỗi của phương tiện kỹ thuật gây ra ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai</p> <p>Việc bổ sung khoản 3 dự thảo lần 2 để xác định trách nhiệm của đơn vị giám sát phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách đó có hiệu lực. Mục đích để chủ đầu tư chi trả kinh phí tương ứng cho đơn vị thi công đã chi phí thực hiện khối lượng tại thời điểm chế độ chính sách có hiệu lực như: tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá sản phẩm quy định để làm ra được 1 đơn vị sản phẩm.</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>Điều 11. Nội dung, phương pháp, mức kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm</p> <p>1. Nội dung, mức kiểm tra của đơn vị thi công</p> <p>2. Phương pháp kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm</p> <p>a) b) c) d) đ) e)</p> <p>3. Kết thúc quá trình kiểm tra phải tiến hành ghi nhận kết quả kiểm tra.</p>	<p>Điều 10. Nội dung và phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm</p> <p>1. Nội dung, mức kiểm tra đối với sản phẩm dịch vụ công (bổ nội dung: Đối với các nội dung, hạng mục công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai không được quy định tại Bảng 01....)</p> <p>2. Phương pháp kiểm tra chất lượng, sản phẩm</p> <p>a) b) c) d) đ)</p> <p>Bổ nội dung: Quan sát trực quan, sử dụng phần mềm và các tài liệu khác để kiểm tra trực tiếp trên các sản phẩm giao nộp.</p> <p>3. Ghi nhận kết quả kiểm tra</p>	<p>Để phù hợp với Điều 1 của Quy định</p> <p>- Bổ nội dung: Quan sát trực quan, sử dụng phần mềm và các tài liệu khác để kiểm tra trực tiếp trên các sản phẩm giao nộp. Việc thực hiện phương pháp trên sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm không được bảo đảm.</p> <p>- Sắp xếp lại một số nội dung để bảo đảm phương pháp kiểm tra được chặt chẽ đầy đủ, khách quan, đảm bảo độ tin cậy về chất lượng sản phẩm khi đưa vào sử dụng.</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>Điều 12. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công</p>	<p>Điều 11. Kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công</p> <p>Sắp xếp lại các nội dung theo thứ tự thực hiện</p>	<p>Việc sắp xếp lại các nội dung theo thứ tự thực hiện nhằm mục đích việc triển khai thực hiện công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được đầy đủ chặt chẽ, minh bạch, khách quan, đúng quy trình không trùng lặp, không bỏ sót để đảm bảo chất lượng sản phẩm khi đưa vào sử dụng và xác định trách nhiệm của các bên</p>
	<p>Điều 13. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư</p> <p>1. Sau khi nhận được hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công hợp lệ, chủ đầu tư hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra tổ chức thực hiện kiểm tra theo các nội dung sau...</p> <p>2. Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư bao gồm:</p>	<p>Điều 12. Kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư</p> <p>1. Sau khi nhận được công văn đề nghị kiểm tra, Hồ sơ kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 11 của Quyết định này và sản phẩm kèm theo, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn kỹ thuật của mình hoặc thuê tổ chức có năng lực kiểm tra để thực hiện công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư.</p> <p>2. Các bước kiểm tra bao gồm..</p> <p>3. Kết thúc nhiệm vụ hoặc kết thúc năm tài chính đơn vị kiểm tra phải lập Hồ sơ kiểm tra chất lượng thành 02 (hai) bộ, 01 (một) bộ gửi chủ đầu tư</p>	<p>Việc chia khoản 1 của dự thảo lần 1 thành hai khoản của dự thảo lần 2 và bổ sung nội dung quy định nộp số lượng hồ sơ giao nộp nhằm mục đích việc triển khai thực hiện công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được đầy đủ chặt chẽ, minh bạch, khách quan, đúng quy trình không trùng lặp, không bỏ sót để đảm bảo chất lượng sản phẩm khi đưa vào sử dụng và xác định trách nhiệm của các bên</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		<p>phục vụ công tác thẩm định theo quy định tại Điều 15 của Quyết định này, 01 (một) bộ lưu tại đơn vị kiểm tra</p>	
	<p>Điều 14. Quyền và trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư 1. Quyền của đơn vị giám sát, kiểm tra a) b) c) d) đ) 2. Trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra a) b) c) d) đ)</p>	<p>Điều 13. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư 1. Quyền của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra a) b) c) d) đ) 2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra a) b) c) d) đ) e) g) h) - Bổ sung: (03) ba khoản</p>	<p>- Dự thảo lần 2 bổ sung Quy định rõ hơn quyền của cá nhân thực hiện kiểm tra nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của cá nhân, công bằng hơn về chịu trách nhiệm trước pháp luật</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		<p>+Kiến nghị với chủ đầu tư xử lý các vi phạm, chấm dứt hợp đồng với đơn vị thi công trong trường hợp đơn vị thi công vi phạm các nội dung nêu tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Quyết định này;</p> <p>+Kiến nghị với chủ đầu tư hình thức xử lý đối với đơn vị thi công vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thi công;</p> <p>+Lập Hồ sơ kiểm tra chất lượng, Hồ sơ nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư.</p>	<p>Việc bổ sung 03 (ba) khoản của dự thảo lần 2 nhằm mục đích xác định trách nhiệm cụ thể của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra, để tổ chức cá nhân thực hiện kiểm tra, giám sát để nâng cao vai trò trong việc kiểm tra giám sát đôn đốc đơn vị thi công để sản phẩm của nhiệm vụ, đề án, chương trình, thiết kế kỹ thuật được hoàn thành đúng tiến độ, đúng khối lượng, chất lượng được phê duyệt</p>
	Chưa dự thảo	Điều 14. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm dịch vụ công	<p>Việc bổ sung Điều 14. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm dịch vụ công nhằm mục đích kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật đối với chủ đầu tư</p>
	<p>Chương 3</p> <p>THẨM ĐỊNH, NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI</p>	<p>Chương III</p> <p>THẨM ĐỊNH, NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</p>	<p>- số 3 đã sửa thành (III) theo quy định Mẫu số 20 mục 1 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ</p> <p>- Sắp xếp lại câu từ cho phù hợp với quyết định</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>Điều 15. Thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm</p> <p>- Chưa dự thảo</p> <p>- Chưa dự thảo</p> <p>- Chưa dự thảo</p> <p>1. Căn cứ thẩm định 2. Nội dung và thời gian thẩm định a) b) c) d) đ)</p>	<p>Điều 15. Thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai</p> <p>1. Chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập hội đồng thực hiện thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công.</p> <p>2. Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, chủ đầu tư ra quyết định thành lập, thành phần hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và một số thành viên thuộc các đơn vị chức năng có liên quan, chuyên gia am hiểu về chuyên môn có liên quan đến sản phẩm dịch vụ công (nếu cần).</p> <p>3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng thẩm định</p> <p>4. Căn cứ thẩm định</p> <p>5. Nội dung thẩm định a) b) c) d)</p>	<p>Một số nội dung được bổ sung tại dự thảo lần 2 để quy định Chủ đầu tư được sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập hội đồng thực hiện thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công; thành viên của Hội đồng thẩm định và Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng thẩm định để phù hợp với công tác quản lý nhà nước về đất đai.</p> <p>Việc bổ sung nội dung thẩm định để đảm bảo</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	e)	<p>đ) bổ sung nội dung thâm định: Thâm định nguồn gốc thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ sử dụng để thi công.</p> <p>- Tách điểm đ, e thành 2 khoản: 6, 7</p> <p>6. Căn cứ kết quả thâm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ thâm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng thâm định) chỉ đạo các đơn vị liên quan sửa chữa, bổ sung hoàn thiện khi chất lượng, khối lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu, mức khó khăn chưa phù hợp, hồ sơ tài liệu chưa hợp lệ.</p> <p>7. Kết thúc quá trình thâm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ thâm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng thâm định) phải lập Báo cáo thâm định khối lượng, chất lượng sản phẩm theo Mẫu số 12 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.</p>	<p>việc thâm định được đầy đủ toàn diện.</p> <p>Việc chuyển điểm đ, e thành khoản 6, 7 để quy định rõ hơn nhiệm vụ trong việc thực hiện thâm định của đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ thâm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng thâm định)</p>
	Điều 16. Nghiệm thu công trình, sản phẩm	Điều 16. Nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai	

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>1. Căn cứ nghiệm thu</p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p> <p>d)</p> <p>2. Nội dung và thời gian nghiệm thu:</p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p>	<p>1. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, thẩm định, chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công đã hoàn thành.</p> <p>2. Căn cứ nghiệm thu</p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p> <p>d)</p> <p>đ)</p> <p>3. Nội dung và thời gian nghiệm</p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p> <p>d)</p>	<p>Trong nội dung nay không thay đổi chỉ phân định rõ căn cứ:</p> <p>a) Quyết định phê duyệt đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán;</p> <p>b) Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc Hợp đồng kinh tế;</p> <p>Trong nội dung nay không thay đổi chỉ phân định rõ các nội dung nghiệm thu:</p> <p>a) Nghiệm thu về khối lượng, các hạng mục công việc, sản phẩm đã hoàn thành đạt chất lượng so với đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt;</p> <p>b) Nghiệm thu về khối lượng các hạng mục công việc, sản phẩm phát sinh (tăng, giảm) so với đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán (nếu có);</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>3. Hồ sơ nghiệm thu bao gồm: 4. Hồ sơ nghiệm thu lập thành 05 bộ:</p>	<p>Hai nội dung này được chuyển sang quy định tại Điều 18</p>	<p>c) Xác nhận mức khó khăn đối với các hạng mục công việc, sản phẩm hoàn thành; - Việc chuyển (02) hai nội dung này được sang quy định tại Điều 18 lập hồ sơ nghiệm thu được lập sau khi đã bàn giao sản phẩm</p>
	<p>Điều 18. Giao nộp sản phẩm và hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm</p> <p>1. Danh mục sản phẩm giao nộp bao gồm toàn bộ sản phẩm của các hạng mục công trình đã được nghiệm thu xác nhận chất lượng, khối lượng và được nêu cụ thể trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ, hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ thi công.</p> <p>2. Sau khi có biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, đơn vị thi công trực tiếp thực hiện việc giao nộp sản phẩm tại nơi lưu trữ do cơ quan quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư quy định.</p> <p>3. Sau khi có bản xác nhận chất</p>	<p>Điều 17. Giao nộp sản phẩm</p> <p>1. Sau khi có Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm, đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp sản phẩm tại nơi lưu trữ do cơ quan quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư chỉ định.</p> <p>2. Danh mục sản phẩm giao nộp bao gồm toàn bộ sản phẩm của các hạng mục công việc đã được nghiệm thu xác nhận khối lượng, chất lượng. Các sản phẩm giao nộp được quy định cụ thể trong đề án, dự án, nhiệm vụ, thiết kế kỹ thuật - dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đã hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán công trình sản phẩm theo quy định hiện hành.		
	Nội dung này được quy định tại khoản 3, 4 Điều 16	<p>Điều 18. Lập Hồ sơ nghiệm thu</p> <p>1. Kết thúc quá trình nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan lập Hồ sơ nghiệm thu</p> <p>a) b) c) d) đ) e) g) h) i) k)</p> <p>2. Hồ sơ nghiệm thu lập thành 05 (năm) bộ kèm theo bản số: 01 (một) bộ gửi cơ quan quyết định đầu tư, 03 (ba) bộ lưu tại chủ đầu tư, 01 (một) bộ lưu tại đơn vị thi công. Hồ sơ nghiệm</p>	- Việc chuyển (02) hai nội dung này được sang quy định tại Điều 18 lập hồ sơ nghiệm thu được lập sau khi đã bàn giao sản phẩm, để quy định được chặt chẽ đúng quy định hiện hành

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		thu lưu trong thời gian 20 năm kể từ ngày kết thúc toàn bộ hạng mục công việc.	
	Điều 19. Quy định chuyển tiếp	Điều 19. Quy định chuyển tiếp	Không thay đổi
	Bảng 1	Phụ lục I Thay bảng 1 thành Phụ lục I vì văn bản có 02 Phụ lục	Theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
	Từ I đến XII.1.10	Từ I đến XII.1.10	Không thay đổi
	Từ XII.2 đến XII.3.2	Bổ sung thêm cấp xã	Thực hiện Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Để chuẩn bị thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp
	XV. Điều tra thoái hóa đất cấp tỉnh kỳ đầu	XV. Điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Việc chỉnh sửa lại tên để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	XVI. Điều tra thoái hóa đất cấp tỉnh kỳ bổ sung	Không đưa vào dự thảo	Việc điều chỉnh lại dự thảo để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	XVII. Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, cấp tỉnh lần đầu	XVI. Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Việc chỉnh sửa lại tên để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	XVIII. Điều tra, đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai,	Không đưa vào dự thảo	Việc điều chỉnh lại dự thảo để phù hợp với

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	cấp tỉnh lần tiếp theo		Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	XIX. Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh lần đầu	XVII. Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất	Việc chỉnh sửa lại tên để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	XX. Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh lần tiếp theo	Không đưa vào dự thảo	Việc điều chỉnh lại dự thảo để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	XXI. Điều tra phân hạng đất nông nghiệp cấp tỉnh lần đầu	XVIII. Điều tra, đánh giá đất đai theo chuyên đề	Việc điều chỉnh lại dự thảo để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	XXII. Điều tra phân hạng đất nông nghiệp cấp tỉnh lần tiếp theo	Không đưa vào dự thảo	Việc điều chỉnh lại dự thảo để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	XXIII. Cơ sở dữ liệu địa chính do địa phương tổ chức xây dựng	XIX. Cơ sở dữ liệu địa chính	Không thay đổi
	Các biểu mẫu	Phụ lục II Các biểu mẫu	Theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
	Mẫu số 01: Nhật ký giám sát công trình	Mẫu số 1: Nhật ký giám sát thi công;	Không thay đổi
	Chưa dự thảo	Mẫu số 2: Biên bản giám sát thi công;	Để các nội dung làm việc được minh bạch và xác định trách nhiệm của đơn vị giám sát với chủ đầu tư trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	Chưa dự thảo	Mẫu số 3: Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm (phần giám sát thi công)	Bổ sung để xác định trách nhiệm của đơn vị giám sát trong quá trình thực hiện để sản phẩm đảm bảo chất lượng khi đưa vào sử dụng
	Mẫu số 2: Phiếu ghi ý kiến kiểm tra	Mẫu số 4: Phiếu ghi ý kiến kiểm tra	Không thay đổi
	Mẫu số 3: Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm	Mẫu số 5: Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công	Không thay đổi
	Mẫu số 4: Báo cáo tổng kết kỹ thuật (của đơn vị thi công)	Mẫu số 6: Báo cáo tổng kết kỹ thuật (của đơn vị thi công)	Không thay đổi
	Mẫu số 5: Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm (của đơn vị thi công)	Mẫu số 7: Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm (của đơn vị thi công)	Không thay đổi
	Mẫu số 6: Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm	Không đưa vào dự thảo	Để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện kiểm tra chất lượng, khối lượng, sản phẩm dịch vụ công
	Mẫu số 7: Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm (của đơn vị giám sát, kiểm tra)	Mẫu số 8: Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm (phần đánh giá chất lượng sản phẩm)	Áp dụng trường hợp chủ đầu tư giao hai đơn vị kiểm tra và giám sát
		Mẫu số 9: Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm	Áp dụng trường hợp chủ đầu tư giao một đơn vị kiểm tra và giám sát

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	Chưa dự thảo	Mẫu số 10: Báo cáo sửa chữa sản phẩm (của đơn vị thi công)	Để thống nhất mẫu văn bản cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	Chưa dự thảo	Mẫu số 11: Bản xác nhận sửa chữa sản phẩm (của Đơn vị kiểm tra)	Để thống nhất mẫu văn bản cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	Mẫu số 8: Báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm	Mẫu số 12: Báo cáo thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm	Không thay đổi
	Mẫu số 9: Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm	Mẫu số 13: Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm	Đã bỏ thành phần đơn vị kiểm tra vì đã đơn vị kiểm tra đã thực hiện trách nhiệm tại Mẫu số 8, 9, 11
	Mẫu số 10: Bản tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm	Mẫu số 14: Bản tổng hợp khối lượng hạng mục công việc, sản phẩm	Không thay đổi
	Chưa dự thảo	Mẫu số 15: Biên bản giao nộp sản phẩm	Để thống nhất mẫu văn bản cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	Chưa dự thảo	Mẫu số 16: Công văn đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm	Để thống nhất mẫu văn bản cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	Chưa dự thảo	Mẫu số 17: Công văn lập kế hoạch triển khai, quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Để thống nhất mẫu văn bản cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	Chưa dự thảo	Mẫu số 18: Biên bản kiểm tra chất	Bổ sung để nâng cao trách nhiệm của người

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư	phụ trách kỹ thuật đối với đơn vị thi công và chủ đầu tư